

THU HỒI DỰ TOÁN KINH PHÍ GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CẮT GIẢM 5% CHI THƯỜNG XUYÊN CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số 39 /QĐ-PGDĐT huyện Điện Biên ngày 10 tháng 02 năm 2025)

Dvt: Triệu Đồng

ST T	Nội dung	Tổng số giảm	Tổng số thu hồi								Trong đó																												
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																																						
I	Số thu phí, lệ phí																																						
1	Lệ phí																																						
2	Phí																																						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại																																						
1	Chi sự nghiệp giáo dục																																						
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																																						
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																																						
1.3	Kinh phí thu sự nghiệp (Học phí)																																						
	Mảm non																																						
	THCS																																						
2	Chi quản lý hành chính																																						
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																																						
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																																						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước																																						
1	Lệ phí																																						
2	Phí																																						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.156,7	-	36,6	98,0	54,5	53,9	51,3	52,8	84,5	83,9	54,4	43,7	40,1	53,9	20,4	65,7	39,2	64,6	35,8	18,8	38,7	56,8	24,3	28,2	21,2	19,5	8,6	4,8	2,5									
I	Nguồn ngân sách trong nước																																						
1	Chi quản lý hành chính	-	-								-	-								-				-	-	-	-	-											
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-																																					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																																						
	Mảm non			MN xã Thanh Luông	MN xã Thanh Chăn	MN xã Thanh Hưng	MN xã Thanh Yên	MN số 2 xã Thanh Yên	MN HCC xã Noong Hẹt	MN xã Noong Luông	MN số 1 xã Na Tông	MN xã Mường Lới	MN xã Mường Nhà	MN xã Pa Thơm	MN xã Hẹ Muông	MN xã Núa Ngam	MN xã Mường Pôn	MN xã Thanh Nưa	MN xã Hua Thanh	MN xã Na U'	MN xã Noong Hẹt	MN xã Sam Mứn	MN xã Thanh Xương	MN xã Thanh An	MN xã Pom Lót	MN số 2 xã Mường Pôn	MN số 2 xã Na Tông	MN Pu Lau xã Mường Nhà	MN xã Phu Luông	Văn Phòng									
2	Chi sự nghiệp giáo dục	369,0		10,2	36,9	8,6	5,9	6,4	10,4	11,9	25,7	19,8	24,6	6,0	9,5	7,3	24,6	6,6	22,3	4,6	6,6	24,4	26,0	11,9	7,2	16,2	19,5	8,6	4,8	2,5									
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	163,0		7,5	7,5	8,5	5,8	5,8	5,3	8,0	5,0	4,8	5,8	3,5	5,5	7,3	6,3	6,5	7,0	4,5	6,5	7,0	11,0	8,0	7,0	4,0	4,5	3,5	4,8	2,5									
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	206,0		2,7	29,4	0,1	0,2	0,7	5,2	3,9	20,7	15,0	18,8	2,5	4,0	0,0	18,3	0,1	15,3	0,1	0,1	17,4	15,0	3,9	0,2	12,2	15,0	5,1	0,0										

[illegible]